

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phân khai kinh phí cho các danh mục công trình sử dụng  
Vốn sự nghiệp kinh tế cấp cho Sở Xây dựng năm 2025**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Quyết định số 4339/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 13/02/2025 của UBND tỉnh về việc phân khai kinh phí cho các danh mục công trình sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế cấp cho Sở Giao thông vận tải năm 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND tỉnh về điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 đối với các cơ quan, đơn vị khối tỉnh khi thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 953/STC-TCHCSN ngày 15/4/2025 và đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 838/SXD-VP ngày 10/4/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phân khai danh mục công trình sử dụng vốn sự nghiệp kinh tế cấp cho Sở Xây dựng năm 2025 (chi tiết có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 13/02/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /s/

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19 (M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tự Công Hoàng**



PHỤ LỤC

PHÂN KHAI DANH MỤC VỐN SỰ NGHIỆP KINH TẾ CẤP CHO SỞ XÂY DỰNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	Vốn đã bố trí các năm trước	Phân khai vốn năm 2025	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
TỔNG CỘNG				244.642.000		
A	CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ NGÂN SÁCH TỈNH			175.063.000		
I	Chi trả nợ khối lượng thực hiện Đề án: Sửa chữa, nâng cấp mở rộng các tuyến đường tỉnh, tuyến quốc lộ 19B (đoạn Sân bay Phù Cát - Bảo Tàng Quang Trung) và tuyến đường địa phương kết nối QL 1, giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết 32/2020/NQ-HĐND và Nghị quyết 65/2021/NQ-HĐND và Nghị Quyết số 33/2023/NQ-HĐND; Sửa chữa định kỳ các tuyến đường, các cầu yếu trên địa bàn tỉnh năm 2025 và trả nợ các công trình chuyển tiếp sang 2025	316.013.163		175.063.000		
I.1	Trả nợ các công trình	174.156.313	122.785.474	50.302.614		
a	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.629, đoạn qua thôn Trà Cong, huyện An Lão	33.443.000	26.000.000	7.443.000	100%	Thuộc Đề án theo Nghị Quyết số 33/2023/NQ-HĐND
b	Sửa chữa, thảm bê tông nhựa mặt đường tuyến Nhà Đá - An Lương, huyện Phù Mỹ	45.750.750	45.200.000	550.750	100%	
c	Sửa chữa hư hỏng, thảm BTN mặt đường, hoàn thiện hệ thống thoát nước, ATGT các đoạn Km22+085-Km24+00, Km26+450-Km27+600, tuyến ĐT.636	12.488.000	11.963.594	524.406	100%	
d	Sửa chữa hư hỏng, thảm BTN mặt đường, hoàn thiện hệ thống thoát nước, ATGT các đoạn Km0+00-Km3+031, Km3+031-Km8+700, Km8+700-Km9+800, Km19+820-K20+648, tuyến ĐT.633.	17.908.000	4.923.931	12.984.069	100%	
e	Sửa chữa hư hỏng cục bộ, mở rộng lề gia cố mặt đường, hoàn thiện hệ thống thoát nước, ATGT trên các đoạn Km33+610-Km38+560, Km40+190-Km44+600, Km45+600-Km47+150, Km51+500-Km52+862, tuyến ĐT.637.	20.896.000	11.023.743	9.872.257	100%	

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	Vốn đã bố trí các năm trước	Phân khai vốn năm 2025	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
g	Xây dựng cầu Sông Vồ (Km29+660) tuyến ĐT.629, huyện An Lão	21.358.811	1.464.517	18.826.069	95%	
h	Đầu tư xây dựng 02 trạm cân kiểm tra phương tiện tự động	22.311.752	22.209.689	102.063	100%	
<b>I.2</b>	<b>Sửa chữa định kỳ các tuyến đường tỉnh năm 2025</b>	<b>126.863.850</b>		<b>110.667.036</b>		
a	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và ATGT các tuyến ĐT.629, ĐT.630, ĐT.632, ĐT.633, ĐT.636, ĐT.637, ĐT.639.	126.863.850		110.667.036	87%	Theo Văn bản số 9480/UBND-KT ngày 22/11/2024
<b>I.3</b>	<b>Cải tạo các đường cong, nền mặt đường đoạn tuyến từ Km7+300 - Km8+300, tuyến ĐT.640</b>	<b>11.993.000</b>	<b>300.000</b>	<b>11.093.350</b>	95%	Theo Văn bản số 3937/UBND-KT ngày 25/5/2024 của UBND tỉnh
<b>I.4</b>	<b>Dự phòng các công trình sửa chữa cấp bách và khắc phục bão lũ</b>	<b>3.000.000</b>		<b>3.000.000</b>	100%	
a	Khắc phục xói lở công trình thoát nước, mái taluy đảm bảo ATGT trên các tuyến ĐT.630, ĐT.631, ĐT.634, ĐT.638	1.200.000		1.200.000		
b	Chi trả nợ phí quyết toán dự án hoàn thành			467.724		
c	Chi trả nợ khối lượng công trình hoàn thành			25.678		
	+ Nâng cấp tuyến đường từ Bảo tàng Quang Trung đến Vĩnh Thạnh			25.678		
d	Dự phòng các công trình sửa chữa cấp bách			1.306.598		
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ (HỖ TRỢ KINH PHÍ QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ)</b>			<b>69.579.000</b>		
<b>I</b>	<b>Chi quản lý, duy tu, sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh (bao gồm các hạng mục chăm sóc cây xanh)</b>			<b>32.380.000</b>		
1	Công tác quản lý và bảo dưỡng thường xuyên các tuyến đường tỉnh và các tuyến đường kết nối giai đoạn 2024 - 2026 (năm 2025)	21.500.000		21.500.000	100%	Quyết định Số 4522/QĐ-UBND ngày 06/12/2023

TT	Danh mục	Tổng mức đầu tư	Vốn đã bố trí các năm trước	Phân khai vốn năm 2025	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
2	Công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên tuyến Quốc lộ 19 mới; Đường trục Khu kinh tế nổi dài (bao gồm hạng mục cây xanh) và hạng mục cây xanh trong giải phân cách giữa (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cổng sân bay Phù Cát); công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên 02 trạm kiểm tra phương tiện tự động trên tuyến Quốc lộ 19 mới và Quốc lộ 19C, giai đoạn năm 2025 - 2027 (năm 2025)	10.880.000		10.880.000	100%	<i>Quyết định Số 4480/QĐ-UBND ngày 26/12/2024</i>
II	<i>Chi trả nợ khối lượng thực hiện và xử lý tồn tại theo kiến nghị cử tri, điểm ngập úng, sửa chữa đột xuất và gia cường đồng bộ hóa tải trọng cầu trên, xử lý thấm nước ngang ra nền đường từ giải phân cách giữa tuyến ĐT.638 các tuyến đường trên địa bàn tỉnh được UBND tỉnh giao cho Sở Xây dựng quản lý; Sửa chữa các tuyến đường tỉnh; ...</i>			37.199.000		
1	<i>Chi trả nợ các công trình năm 2024</i>			3.530.554		
a	Xử lý các điểm bất cập hạ tầng giao thông trên các tuyến đường tỉnh	10.927.456	10.211.294	716.162	100%	
b	Xử lý điểm ngập úng và các kiến nghị của cử tri trên tuyến đường ĐT.629	13.896.285	11.260.000	2.636.285	100%	
c	Sửa chữa hư hỏng đột xuất nền, mặt đường đoạn Km17+120 – Km17+840, tuyến ĐT.640	1.578.107	1.400.000	178.107	100%	
2	<i>Xử lý tồn tại theo kiến nghị cử tri và sửa chữa đột xuất các tuyến đường trên địa bàn tỉnh năm 2025</i>	37.500.063		33.668.446		
a	Xử lý các điểm bất cập hạ tầng giao thông, kiến nghị của cử tri; Sửa chữa hư hỏng và gia cường đồng bộ hóa tải trọng các cầu: Cầu Ngã Hai (Km21+395,ĐT.630), Cầu Đu (Km9+345, ĐT.633), Cầu Cây Xoài (Km7+007,ĐT.634), Cầu Bà Lễ (Km7+710, ĐT.634), Cầu Tấn Võ (Km2+840, ĐT.636), Cầu Cháy (Km0+820, ĐT.637), Cầu 15 (Km3+150,ĐT.640), Cầu Đội Thông (Km12+120, ĐT.640); Xử lý thấm nước ngang ra nền đường từ giải phân cách giữa chống hư hỏng nền, mặt đường đoạn Km137+580-Km143+787, tuyến ĐT.638.	37.500.063		33.668.446	90%	<i>Theo Văn bản số 9480/UBND-KT ngày 22/11/2024</i>